

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CỬA CẨM HẢI PHÒNG

MỤC LỤC

PHỤ LỤC 1: DAN GIẢM HỐC

PHỤ LỤC 2: NHẬT LƯU

PHỤ LỤC 3: LỜI NÓI ĐẦU CỦA ĐƯỢC KIỂM TOÁN

PHỤ LỤC 4: ...

PHỤ LỤC 5: ...

PHỤ LỤC 6: ...

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CỬA CẨM HẢI PHÒNG**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MST: 0200576055

# **CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CỬA CẨM HẢI PHÒNG**

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Cửa Cẩm Hải Phòng trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

### **CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Cảng Cửa Cẩm Hải Phòng (“gọi tắt là Công ty”) được cổ phần hóa từ Xí nghiệp Cảng Cửa Cẩm Hải Phòng theo Quyết định số 17/QĐ/UB ngày 06 tháng 01 năm 2004 của UBND thành phố Hải Phòng.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0203000682 đăng ký lần đầu ngày 09 tháng 01 năm 2004, thay đổi lần thứ hai ngày 06 tháng 08 năm 2008, thay đổi lần thứ ba ngày 11 tháng 09 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp. Vốn điều lệ là 24.000.000.000 đồng.

Trụ sở chính của Công ty tại Số 2 đường Ngô Quyền, phường Máy Chai, quận Ngô Quyền, Hải Phòng.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

<b>Hội đồng Quản trị</b>	Ông Nguyễn Văn Hùng	Chủ tịch
	Ông Hoàng Đình Đạt	Ủy viên
	Bà Lê Thị Vân Anh	Ủy viên
	Bà Phạm Thị Ngọc Anh	Ủy viên (bổ nhiệm từ ngày 28/4/2011)
	Ông Nguyễn Hùng Sơn	Ủy viên (bổ nhiệm từ ngày 28/4/2011)

Các thành viên Ban giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này:

<b>Ban Giám đốc</b>	Ông Hoàng Đình Đạt	Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Mạnh Cường	Phó Tổng Giám đốc

### **CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN**

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - Thành viên Hãng Kiểm toán Moore Stephens International Limited.

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.



**Hoàng Đình Đạt**  
**Tổng Giám đốc**

Hải Phòng, ngày 27 tháng 02 năm 2012

Trụ sở chính TP. Hà Nội:

Số 17, Lô 2C, Khu Đô thị Trung Yên,  
Phố Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

T +84 (4) 3 783 2121

F +84 (4) 3 783 2122

E info@cpavietnam.vn

W www.cpavietnam.vn

Số. 96 /2012/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN**

Về Báo cáo tài chính năm 2011 của Công ty Cổ phần Cảng Cửa Cẩm Hải Phòng

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Cảng Cửa Cẩm Hải Phòng**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính bao gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được lập ngày 27/02/2012 của Công ty Cổ phần Cảng Cửa Cẩm Hải Phòng (“gọi tắt là Công ty”) từ trang 05 đến trang 20 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Báo cáo tài chính của Công ty ngày 31 tháng 12 năm 2010 đã được kiểm toán viên khác kiểm toán; kiểm toán viên này đã đưa ra Báo cáo kiểm toán vào ngày 31 tháng 3 năm 2011 có ý kiến dạng chấp nhận toàn phần

**Cơ sở ý kiến**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



**Nguyễn Quế Dương**  
Phó Tổng Giám đốc

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1382/KTV

Thay mặt và đại diện

**CÔNG TY HỢP DANH KIỂM TOÁN VIỆT NAM (CPA VIETNAM)**

Thành viên Hãng Kiểm toán Moore Stephens International Limited.

Hà Nội, ngày 27 tháng 02 năm 2012

**Bùi Thị Thúy**  
Kiểm toán viên

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0580/KTV

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CỬA CẨM HẢI PHÒNG**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**CỤC THUẾ TP. HẢI PHÒNG**  
**BỘ PHẬN "MỘT CỬA"**  
**ĐẾN** Mẫu B 01-DN  
 Ngày: **13-03-2012**  
 31/12/2011 01/01/2011  
 Chủ: VND VND

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

TÀI SẢN	MS	TM		
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100 = 110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>11.323.802.891</b>	<b>8.287.718.882</b>
<b>I- Tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>9.600.214.440</b>	<b>6.280.831.566</b>
1. Tiền	111		400.214.440	1.780.831.566
2. Các khoản tương đương tiền	112		9.200.000.000	4.500.000.000
<b>II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>99.800.000</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121	5.2	-	154.725.200
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	(54.925.200)
<b>III- Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>1.600.216.596</b>	<b>1.858.977.433</b>
1. Phải thu khách hàng	131		1.468.135.649	1.777.436.084
2. Trả trước cho người bán	132		-	7.500.000
5. Các khoản phải thu khác	135	5.3	132.080.947	74.041.349
<b>IV- Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>100.471.855</b>	<b>38.584.425</b>
1. Hàng tồn kho	141	5.4	100.471.855	38.584.425
<b>V- Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>22.900.000</b>	<b>9.525.458</b>
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.5	22.900.000	9.525.458
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200 = 210+220+240+250+260)	<b>200</b>		<b>26.076.923.543</b>	<b>28.747.042.002</b>
<b>I Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>II Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>25.472.453.030</b>	<b>27.747.763.570</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.6	25.090.742.474	27.747.763.570
- Nguyên giá	222		38.974.140.270	39.427.699.428
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(13.883.397.796)	(11.679.935.858)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		381.710.556	-
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>604.470.513</b>	<b>999.278.432</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	604.470.513	999.278.432
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)</b>	<b>270</b>		<b>37.400.726.434</b>	<b>37.034.760.884</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CỬA CẨM HẢI PHÒNG**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mẫu B 01-DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2011	01/01/2011
			VND	VND
<b>A- NỢ PHẢI TRẢ</b> (300 = 310+330)	<b>300</b>		<b>3.626.143.136</b>	<b>4.291.387.381</b>
<b>I- Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>3.525.583.308</b>	<b>3.926.025.553</b>
2. Phải trả người bán	312		112.000.000	117.323.477
3. Người mua trả tiền trước	313		1.076.020	3.622.380
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.8	640.716.137	366.331.815
5. Phải trả người lao động	315		1.486.028.406	1.505.921.672
6. Chi phí phải trả	316	5.9	261.250.018	281.277.751
9. Các khoản phải trả, phải nộp NH khác	319	5.10	463.171.973	408.410.704
11. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323		561.340.754	1.243.137.754
<b>II- Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>100.559.828</b>	<b>365.361.828</b>
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	250.000.000
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		100.559.828	115.361.828
<b>B- VỐN CHỦ SỞ HỮU</b> (400 = 410+430)	<b>400</b>		<b>33.774.583.298</b>	<b>32.743.373.503</b>
<b>I- Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.11</b>	<b>33.774.583.298</b>	<b>32.743.373.503</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		24.000.000.000	24.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		3.881.400.000	3.881.400.000
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		2.619.048.733	2.290.001.362
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		656.978.172	519.873.226
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		2.617.156.393	2.052.098.915
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> (440 = 300+400)	<b>440</b>		<b>37.400.726.434</b>	<b>37.034.760.884</b>

Kế toán trưởng



Lê Thị Vân Anh

Hải Phòng, ngày 27 tháng 02 năm 2012

Tổng Giám đốc



Hoàng Đình Đạt

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CỬA CẨM HẢI PHÒNG**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

C. THUẾ TP. HẢI PHÒNG  
BỘ PHẬN "MỘT CỬA"  
Mẫu B 02-DN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

13-03-2012

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2011	Năm 2010
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.12	17.386.013.113	15.840.446.160
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		17.386.013.113	15.840.446.160
4. Giá vốn hàng bán	11	5.13	12.788.981.226	10.795.518.539
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)</b>	<b>20</b>		<b>4.597.031.887</b>	<b>5.044.927.621</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.14	1.046.438.935	592.001.400
7. Chi phí tài chính	22	5.15	65.632.389	269.214.096
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		9.270.833	133.798.577
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		2.828.573.056	2.311.160.337
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}</b>	<b>30</b>		<b>2.749.265.377</b>	<b>3.056.554.588</b>
11. Thu nhập khác	31		488.076.463	24.131.182
12. Chi phí khác	32		14.509.144	1.000.000
<b>13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)</b>	<b>40</b>	<b>5.16</b>	<b>473.567.319</b>	<b>23.131.182</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)</b>	<b>50</b>		<b>3.222.832.696</b>	<b>3.079.685.770</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.17	605.676.303	337.586.855
<b>16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>2.617.156.393</b>	<b>2.742.098.915</b>
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.18	1.090	1.143

Kế toán trưởng



Lê Thị Vân Anh

Hải Phòng, ngày 27 tháng 02 năm 2012



Tổng Giám đốc

Hoàng Đình Đạt

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CỬA CẨM HẢI PHÒNG**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**CỤC THUẾ TP. HẢI PHÒNG**  
**BỘ PHẬN "MỘT CỬA"****ĐẾN**

Mẫu B 03-DN

Ngày: **13-03-2012****BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ***(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2011		Năm 2010	
		VND	VND	VND	VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>					
1. <i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01	3.222.832.696		3.079.685.770	
2. <i>Điều chỉnh cho các khoản</i>					
- Khấu hao tài sản cố định	02	2.657.021.096		2.715.736.849	
- Các khoản dự phòng	03	-		54.925.200	
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.010.358.561)		(588.695.844)	
- Chi phí lãi vay	06	9.270.833		133.798.577	
3. <i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08	4.878.766.064		5.395.450.552	
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	245.386.295		(569.709.800)	
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(61.887.430)		2.460.385	
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(427.793.840)		(2.103.961.191)	
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	394.807.919		(369.910.231)	
- Tiền lãi vay đã trả	13	(9.270.833)		(133.798.577)	
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(720.672.531)		(346.804.152)	
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	345.405.295		320.362.272	
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(681.797.000)		(379.415.246)	
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	3.962.943.939		1.814.674.012	
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>					
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-		(134.725.200)	
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.046.438.935		588.695.844	
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	1.046.438.935		453.970.644	
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>					
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(250.000.000)		(750.000.000)	
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(1.440.000.000)		(1.920.000.000)	
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	(1.690.000.000)		(2.670.000.000)	
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</i>	50	3.319.382.874		(401.355.344)	
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	6.280.831.566		6.682.186.910	
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	9.600.214.440		6.280.831.566	

Kế toán trưởng



Lê Thị Vân Anh



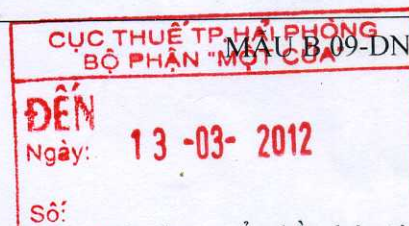
Hoàng Đình Đạt



# CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CỬA CẨM HẢI PHÒNG

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH



### 1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

#### 1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cảng Cửa Cẩm Hải Phòng (“gọi tắt là ~~Công ty~~”) được cổ phần hóa từ Xi nghiệp Cảng Cửa Cẩm Hải Phòng theo Quyết định số 17/QĐ/UB ngày 06 tháng 01 năm 2004 của UBND thành phố Hải Phòng.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0203000682 đăng ký lần đầu ngày 09 tháng 01 năm 2004, thay đổi lần thứ hai ngày 06 tháng 08 năm 2008, thay đổi lần thứ ba ngày 11 tháng 09 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp. Vốn điều lệ là 24.000.000.000 đồng.

Sở hữu vốn theo đăng ký kinh doanh:

<u>Cổ đông</u>	<u>Số cổ phần</u>	<u>VND</u>	<u>Tỷ lệ sở hữu</u>
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (Petrolimex)	1.224.000	12.240.000.000	51%
Cổ đông khác	1.176.000	11.760.000.000	49%
<b>Tổng</b>	<b>2.400.000</b>	<b>24.000.000.000</b>	<b>100%</b>

Địa chỉ đăng ký: Số 2 đường Ngô Quyền, phường Máy Chai, quận Ngô Quyền, Hải Phòng.

Số lao động bình quân trong năm: 160 người

#### 1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Kinh doanh dịch vụ cảng biển;
- Dịch vụ vận tải;
- Vận tải hàng hóa thủy, bộ;
- Môi giới và đại lý hàng hải;
- Đại lý xăng dầu, vật tư, thiết bị, cung ứng dịch vụ cho tàu, sửa chữa, gia công cơ khí, xây dựng.

Hoạt động chính của Công ty trong năm 2011 là Kinh doanh dịch vụ cảng biển.

### 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

#### Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan khác đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính..

#### Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12

### 3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### Chế độ và Chuẩn mực kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 Hướng dẫn sửa đổi bổ sung chế độ kế toán Doanh nghiệp và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

#### Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chứng từ.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CỬA CẨM HẢI PHÒNG

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

#### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

##### Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

##### Tiền và tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao để dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

##### Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho theo phương pháp bình quân gia quyền. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.

##### Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>2011</u>
Nhà xưởng và vật kiến trúc	Số năm 05 - 30
Máy móc thiết bị	06 - 10
Phương tiện vận tải	03 - 05
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08

##### Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

##### Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn là giá trị còn lại của công cụ dụng cụ xuất dùng phân bổ trong thời hạn từ 01 đến 03 năm kể từ khi xuất đưa vào sử dụng và chi phí cần phân bổ là các chi phí liên quan tới sửa chữa, nạo vét cầu cảng. Chi phí sửa chữa, nạo vét được phân bổ theo Quyết định của Tổng Giám đốc Công ty cho từng chi phí sửa chữa, nạo vét.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CỬA CẨM HẢI PHÒNG

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

#### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

##### Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

##### Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

##### Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

##### Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

##### Thuế

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Theo Thông tư số 130/2008/TT-BTC ngày 26/12/2008 của Bộ Tài chính, Công ty tiếp tục được hưởng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đến năm 2014 đối với hoạt động dịch vụ cảng biển.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CỬA CẨM HẢI PHÒNG

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

#### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

##### Thuế (Tiếp theo)

Công ty được giảm 30% số thuế TNDN phải nộp năm 2011 theo Thông tư 154/2011/TT-BTC ngày 11/11/2011 hướng dẫn Nghị định 101/2011/NĐ-CP ngày 14/11/2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 08/2011/QH13 của Quốc hội về việc ban hành bổ sung một số giải pháp về thuế nhằm tháo gỡ khó khăn cho Doanh nghiệp và cá nhân

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

##### Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

##### Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CỬA CẨM HẢI PHÒNG**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09-DN

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>31/12/2011</b>	<b>01/01/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	39.018.395	50.192.081
Tiền gửi ngân hàng	361.196.045	1.520.787.185
Tiền đang chuyển	-	209.852.300
Các khoản tương đương tiền (*)	9.200.000.000	4.500.000.000
<b>Tổng</b>	<b>9.600.214.440</b>	<b>6.280.831.566</b>

(\*) Là khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 01 tháng

**5.2 Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**

	<b>31/12/2011</b>		<b>01/01/2011</b>	
	<b>Số lượng</b>	<b>Giá trị</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Giá trị</b>
	<b>Cổ phần</b>	<b>VND</b>	<b>Cổ phần</b>	<b>VND</b>
<b>Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn</b>	-	-	-	<b>154.725.200</b>
<i>Cty CP bao bì PP- HBP</i>	-	-	3.000	72.216.000
<i>Côngty CP Vận tải Xăng dầu VIPCO - VIP</i>	-	-	5.000	82.509.200
<b>Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn</b>	-	-	-	<b>(54.925.200)</b>

**5.3 Phải thu khác**

	<b>31/12/2011</b>	<b>01/01/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Bảo hiểm xã hội	1.150.393	-
Phải thu của người lao động về cổ phần trả chậm	31.900.000	51.150.000
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	84.388.889	9.527.778
Phải thu của người lao động thuế TNCN	9.841.665	1.416.163
Phải thu khác	4.800.000	11.947.408
<b>Tổng</b>	<b>132.080.947</b>	<b>74.041.349</b>

**5.4 Hàng tồn kho**

	<b>31/12/2011</b>	<b>01/01/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Nguyên liệu, vật liệu	100.471.855	38.584.425
<b>Tổng</b>	<b>100.471.855</b>	<b>38.584.425</b>

**5.5 Tài sản ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2011</b>	<b>01/01/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tạm ứng	22.900.000	9.525.458
<b>Tổng</b>	<b>22.900.000</b>	<b>9.525.458</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CỬA CÁM HẢI PHÒNG**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**5.6 Tài sản cố định hữu hình**

MẪU B 09-DN

Đơn vị: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số dư tại 01/01/2011	27.160.503.607	10.974.342.975	855.211.843	437.641.003	39.427.699.428
Tăng trong năm	-	-	-	-	-
Giảm trong năm	88.355.785	365.203.373	-	-	453.559.158
Thanh lý, nhượng bán	88.355.785	365.203.373	-	-	453.559.158
Giảm khác	-	-	-	-	-
<b>Số dư tại 31/12/2011</b>	<b>27.072.147.822</b>	<b>10.609.139.602</b>	<b>855.211.843</b>	<b>437.641.003</b>	<b>38.974.140.270</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Số dư tại 01/01/2011	5.743.881.691	4.719.243.073	821.074.753	395.736.341	11.679.935.858
Tăng trong năm	1.369.720.824	1.211.258.520	34.137.090	41.904.662	2.657.021.096
Khấu hao trong năm	1.369.720.824	1.211.258.520	34.137.090	41.904.662	2.657.021.096
Giảm trong năm	88.355.785	365.203.373	-	-	453.559.158
Thanh lý, nhượng bán	88.355.785	365.203.373	-	-	453.559.158
<b>Số dư tại 31/12/2011</b>	<b>7.025.246.730</b>	<b>5.565.298.220</b>	<b>855.211.843</b>	<b>437.641.003</b>	<b>13.883.397.796</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại 01/01/2011	21.416.621.916	6.255.099.902	34.137.090	41.904.662	27.747.763.570
Tại 31/12/2011	20.046.901.092	5.043.841.382	-	-	25.090.742.474

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 1.618.329.268

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CỬA CẨM HẢI PHÒNG**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09-DN

**5.7 Chi phí trả trước dài hạn**

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Tại ngày 1 tháng 1	999.278.432	629.368.201
Tăng trong năm	703.840.945	789.622.054
Giảm trong năm	1.098.648.864	419.711.823
Trong đó: Phân bổ vào chi phí	1.098.648.864	419.711.823
Tại ngày 31 tháng 12	<b>604.470.513</b>	<b>999.278.432</b>

**Chi tiết theo nội dung**

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Công cụ, dụng cụ	84.841.276	60.921.005
Chi phí sửa chữa, nạo vét	519.629.237	938.357.427
<b>Tổng</b>	<b>604.470.513</b>	<b>999.278.432</b>

**5.8 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Thuế giá trị gia tăng	147.977.396	149.924.981
Thuế thu nhập doanh nghiệp	245.676.303	214.725.933
Thuế thu nhập cá nhân	10.424.438	1.680.901
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	236.638.000	-
<b>Tổng</b>	<b>640.716.137</b>	<b>366.331.815</b>

**5.9 Chi phí phải trả**

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Chi phí tiền nước ngọt tháng 12	146.197.194	86.048.923
Tiền ăn ca	32.300.000	29.672.000
Phụ cấp HĐQT, BKS và thư ký	45.240.000	31.200.000
Chi phí sửa chữa, nạo vét	-	89.466.468
Chi phí khác	37.512.824	44.890.360
<b>Tổng</b>	<b>261.250.018</b>	<b>281.277.751</b>

**5.10 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Kinh phí công đoàn	158.771.973	93.965.086
Bảo hiểm xã hội	-	2.554.185
Các khoản phải trả, phải nộp khác	304.400.000	311.370.000
<i>Tổng công ty vốn Nhà nước (tiền mua cổ phần trả chậm của người lao động nghèo)</i>	257.600.000	257.600.000
<i>Tiền đặt cọc lái cầu</i>	38.000.000	35.000.000
<i>Phải trả khác</i>	8.800.000	18.770.000
<b>Tổng</b>	<b>463.171.973</b>	<b>408.410.704</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CỬA CÁM HẢI PHÒNG**  
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09-DN

**5.11 Vốn chủ sở hữu**

**a. Biến động vốn chủ sở hữu**

*Đơn vị: VND*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
<b>Số dư tại 01/01/2011</b>	24.000.000.000	3.881.400.000	1.452.676.846	338.435.094	3.628.762.648	33.301.274.588
<b>Tăng trong năm</b>	-	-	837.324.516	181.438.132	2.742.098.915	3.760.861.563
Phân phối lợi nhuận	-	-	837.324.516	181.438.132	-	1.018.762.648
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	2.742.098.915	2.742.098.915
<b>Giảm trong năm</b>	-	-	-	-	4.318.762.648	4.318.762.648
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	2.398.762.648	2.398.762.648
Chia cổ tức	-	-	-	-	1.920.000.000	1.920.000.000
<b>Số dư tại 31/12/2010</b>	24.000.000.000	3.881.400.000	2.290.001.362	519.873.226	2.052.098.915	32.743.373.503
<b>Số dư tại 01/01/2011</b>	24.000.000.000	3.881.400.000	2.290.001.362	519.873.226	2.052.098.915	32.743.373.503
<b>Tăng trong năm</b>	-	-	474.993.969	137.104.946	2.617.156.393	3.229.255.308
Phân phối lợi nhuận	-	-	474.993.969	137.104.946	-	612.098.915
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	2.617.156.393	2.617.156.393
<b>Giảm trong năm</b>	-	-	145.946.598	-	2.052.098.915	2.198.045.513
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	612.098.915	612.098.915
Chia cổ tức	-	-	-	-	1.440.000.000	1.440.000.000
Nộp bổ sung thuế TNDN năm 2009, 2010 do không được miễn giảm	-	-	145.946.598	-	-	145.946.598
<b>Số dư tại 31/12/2011</b>	24.000.000.000	3.881.400.000	2.619.048.733	656.978.172	2.617.156.393	33.774.583.298



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CỬA CẨM HẢI PHÒNG**  
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09-DN

**5.11 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**

**b. Chi tiết vốn chủ sở hữu**

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Vốn góp của Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước	-	12.240.000.000
Vốn góp của Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam	12.240.000.000	
Vốn góp của đối tượng khác	11.760.000.000	11.760.000.000
<b>Tổng</b>	<b>24.000.000.000</b>	<b>24.000.000.000</b>

Ngày 19 tháng 01 năm 2011, Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC) đã chuyển nhượng toàn bộ 1.224.000 cổ phần đang nắm giữ (tương đương với 12.240.000.000 đồng mệnh giá) cho Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam và đã được Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng (đơn vị ủy quyền quản lý cổ đông) chấp nhận.

**c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	24.000.000.000	24.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày 31 tháng 12	24.000.000.000	24.000.000.000
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>	<b>1.440.000.000</b>	<b>1.920.000.000</b>

**đ. Cổ phiếu**

	Năm 2011 Cổ phiếu	Năm 2010 Cổ phiếu
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>2.400.000</b>	<b>2.400.000</b>
Cổ phiếu phổ thông	2.400.000	2.400.000
<i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/CP)</i>	10.000	10.000

**e. Các quỹ của doanh nghiệp**

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Quỹ đầu tư phát triển	2.619.048.733	2.290.001.362
Quỹ dự phòng tài chính	656.978.172	519.873.226
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CỬA CẨM HẢI PHÒNG**  
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09-DN

**5.11 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**

**b. Chi tiết vốn chủ sở hữu**

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Vốn góp của Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước	-	12.240.000.000
Vốn góp của Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam	12.240.000.000	
Vốn góp của đối tượng khác	11.760.000.000	11.760.000.000
<b>Tổng</b>	<b>24.000.000.000</b>	<b>24.000.000.000</b>

Ngày 19 tháng 01 năm 2011, Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC) đã chuyển nhượng toàn bộ 1.224.000 cổ phần đang nắm giữ (tương đương với 12.240.000.000 đồng mệnh giá) cho Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam và đã được Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng (đơn vị ủy quyền quản lý cổ đông) chấp nhận.

**c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	24.000.000.000	24.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày 31 tháng 12	24.000.000.000	24.000.000.000
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>	<b>1.440.000.000</b>	<b>1.920.000.000</b>

**d. Cổ phiếu**

	Năm 2011 Cổ phiếu	Năm 2010 Cổ phiếu
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>2.400.000</b>	<b>2.400.000</b>
Cổ phiếu phổ thông	2.400.000	2.400.000
<i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/CP)</i>	10.000	10.000

**e. Các quỹ của doanh nghiệp**

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Quỹ đầu tư phát triển	2.619.048.733	2.290.001.362
Quỹ dự phòng tài chính	656.978.172	519.873.226
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CỬA CẨM HẢI PHÒNG**  
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MÃU B 09-DN

**5.12 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Doanh thu của dịch vụ cảng biển	15.826.444.523	14.506.137.308
Doanh thu dịch vụ cung cấp nước	1.559.568.590	1.334.308.852
<b>Tổng</b>	<b>17.386.013.113</b>	<b>15.840.446.160</b>

**5.13 Giá vốn hàng bán**

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Giá vốn của dịch vụ cảng biển	11.369.499.643	9.562.581.565
Giá vốn dịch vụ cung cấp nước	1.419.481.583	1.232.936.974
<b>Tổng</b>	<b>12.788.981.226</b>	<b>10.795.518.539</b>

**5.14 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.036.438.935	542.010.330
Cổ tức, lợi nhuận được chia	10.000.000	14.900.000
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	35.091.070
<b>Tổng</b>	<b>1.046.438.935</b>	<b>592.001.400</b>

**5.15 Chi phí tài chính**

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Chi phí lãi vay	9.270.833	133.798.577
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	53.625.401	78.146.860
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư NH, DH	-	54.925.200
Chi phí hoạt động tài chính khác	2.736.155	2.343.459
<b>Tổng</b>	<b>65.632.389</b>	<b>269.214.096</b>

**5.16 Lợi nhuận khác**

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
<b>Thu nhập khác</b>	<b>488.076.463</b>	<b>24.131.182</b>
Thu thanh lý tài sản và tài sản khác	469.545.455	21.281.182
Thu nhập khác	18.531.008	2.850.000
<b>Chi phí khác</b>	<b>14.509.144</b>	<b>1.000.000</b>
Chi phí thanh lý tài sản và tài sản khác	14.500.000	1.000.000
Chi phí khác	9.144	-
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>473.567.319</b>	<b>23.131.182</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CỬA CẨM HẢI PHÒNG**  
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09-DN

**5.17 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
<b>Lợi nhuận kế toán</b>	<b>3.222.832.696</b>	<b>3.079.685.770</b>
Các khoản điều chỉnh tăng	189.555.984	199.260.185
Các khoản điều chỉnh giảm	10.000.000	14.900.000
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>3.402.388.680</b>	<b>3.264.045.955</b>
Bộ phận sản xuất kinh doanh chính	1.808.634.475	2.816.755.591
Dịch vụ tài chính, khác	1.593.754.205	447.290.364
<b>Thuế suất thuế TNDN áp dụng</b>		
Bộ phận sản xuất kinh doanh chính	20%	20%
Dịch vụ tài chính, khác	25%	25%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>760.165.446</b>	<b>675.173.709</b>
Bộ phận sản xuất kinh doanh chính	361.726.895	563.351.118
Dịch vụ tài chính, khác	398.438.551	111.822.591
<b>Thuế TNDN được miễn giảm</b>	<b>154.489.143</b>	<b>337.586.855</b>
Thuế TNDN được giảm 50% (sau cổ phần hóa)	-	337.586.855
Thuế TNDN được giảm 30%	154.489.143	-
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>605.676.303</b>	<b>337.586.854</b>

**5.18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2011	Năm 2010
<b>Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)</b>	<b>2.617.156.393</b>	<b>2.742.098.915</b>
<b>Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)</b>	<b>2.617.156.393</b>	<b>2.742.098.915</b>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	2.400.000	2.400.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>1.090</b>	<b>1.143</b>

**5.19 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	146.634.624	231.343.782
Chi phí nhân công	8.358.871.036	6.844.910.707
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.657.021.096	2.715.736.849
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.916.051.395	2.190.663.767
Chi phí khác bằng tiền	1.538.976.131	1.124.023.771
<b>Tổng</b>	<b>15.617.554.282</b>	<b>13.106.678.876</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CỬA CẨM HẢI PHÒNG**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09-DN

**6. THÔNG TIN KHÁC****6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan****Giao dịch với nhân sự chủ chốt**

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Tính chất giao dịch</u>	<u>Năm 2011 VND</u>
Hội đồng Quản trị		Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	239.844.800
Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban điều hành		Lương Ban Giám đốc	147.044.946

**6.2 Số liệu so sánh**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Công ty được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác.

**Kế toán trưởng**

**Lê Thị Vân Anh****Tổng Giám đốc****Hoàng Đình Đạt**